

CÔNG TY CỔ PHẦN XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT MDT
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT MDT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MDT TRADE PROMOTION AND MANUFACTURING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110261318

3. Ngày thành lập: 22/02/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 28 Ngõ 74 phố Thượng Thanh, Tổ 11, Phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0976664389

Fax:

Email: tamleduc86@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4511
2.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Trừ hoạt động đầu giá)	4512
3.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4530
4.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đầu giá)	4541
5.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đầu giá)	4543
6.	Đại lý, môi giới, đầu giá hàng hóa (loại trừ hoạt động đầu giá, môi giới chứng khoán, bảo hiểm)	4610
7.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (loại trừ bán buôn các loại động vật nhà nước cấm kinh doanh)	4620
8.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
9.	Bán buôn thực phẩm (Trừ động vật hoang dã)	4632
10.	Bán buôn đồ uống	4633
11.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
12.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Loại trừ: Bán buôn dược phẩm)	4649
13.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651

14.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
15.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
16.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Loại trừ Bán buôn máy móc, thiết bị y tế)	4659
17.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Loại trừ: Bán buôn dược phẩm)	4669
18.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Trừ hoạt động báo chí)	8230
19.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (loại trừ hoạt động đấu giá, Dịch vụ báo cáo tòa án hoặc ghi tấu ký) Chi tiết: Xuất nhập khẩu các hàng hóa công ty kinh doanh	8299(Chính)
20.	Cổng thông tin (Không bao gồm hoạt động báo chí)	6312
21.	Quảng cáo (Trừ hoạt động quảng cáo quy định tại Điều 7 Luật Quảng cáo 2012)	7310
22.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Trừ loại thông tin Nhà nước cấm và dịch vụ điều tra)	7320
23.	Bán buôn tổng hợp (Trừ loại Nhà nước cấm và hoạt động đấu giá hàng hóa)	4690
24.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
25.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
26.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh (Không bao gồm bia, rượu)	4723
27.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
28.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
29.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
30.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
31.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
32.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
33.	Sản xuất đường	1072
34.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
35.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
36.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
37.	Sản xuất chè	1076
38.	Sản xuất cà phê	1077
39.	Sản xuất rượu vang	1102
40.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
41.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
42.	Sản xuất sợi	1311

43.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
44.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
45.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
46.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
47.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
48.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
49.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
50.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
51.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
52.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
53.	Sản xuất giày, dép	1520
54.	Cửa, xe, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
55.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
56.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
57.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
58.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
59.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
60.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
61.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
62.	Sản xuất than cốc	1910
63.	Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế	1920
64.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
65.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
66.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
67.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp	2021
68.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
69.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh Chi tiết: - Sản xuất mỹ phẩm; - Sản xuất xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
70.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	2029
71.	Sản xuất sợi nhân tạo	2030
72.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
73.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
74.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220

75.	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	2310
76.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
77.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
78.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
79.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
80.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
81.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
82.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
83.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
84.	Sản xuất đồng hồ	2652
85.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
86.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
87.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
88.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
89.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
90.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
91.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
92.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
93.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
94.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
95.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
96.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
97.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
98.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
99.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
100.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
101.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
102.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
103.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
104.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
105.	Sản xuất máy luyện kim	2823
106.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
107.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
108.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
109.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
110.	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	2910

111.	Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc	2920
112.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930
113.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Loại trừ hoạt động đấu giá)	4791
114.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động đấu giá)	4799
115.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Trừ vận tải hàng hóa hàng không)	5229
116.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển (Loại trừ cho thuê máy bay)	7730
117.	Sản xuất mô tô, xe máy	3091
118.	Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật	3092
119.	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu	3099
120.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
121.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
122.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	3212
123.	Sản xuất nhạc cụ	3220
124.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
125.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
126.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
127.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
128.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
129.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
130.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
131.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
132.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ các sản phẩm văn hóa phản động, đồi trụy, mê tín dị đoan hoặc có hại tới giáo dục thẩm mỹ, nhân cách)	4761
133.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ các sản phẩm văn hóa phản động, đồi trụy, mê tín dị đoan hoặc có hại tới giáo dục thẩm mỹ, nhân cách)	4762

134.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
135.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (không kinh doanh trò chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội và không kinh doanh trò chơi có thưởng)	4764
136.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
137.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế)	4772
138.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Loại trừ: kinh doanh vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao; tem và tiền kim khí)	4773

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 100.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	LÊ KHẮC NHẬT MINH	Chung cư A3, Học viện Quân y, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	40.000	400.000.000	40,000	038091024592	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	40.000	400.000.000	40,000		

2	LÊ ĐỨC TÂM	P804 Số 1 Ngách 139/18 Phố Khương Thượng, Phường Khương Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	30.000	300.000.000	30,000	038086006579
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	30.000	300.000.000	30,000	
3	NGUYỄN ĐĂNG DŨNG	Trung tâm Bệnh viện Tâm Thần, Xã Hòa Bình, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	30.000	300.000.000	30,000	001086046627
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	30.000	300.000.000	30,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÊ ĐỨC TÂM

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 30/12/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 038086006579

Ngày cấp: 24/08/2022

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: P804 Số 1 Ngách 139/18 Phố Khương Thượng, Phường Khương Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: P804 Số 1 Ngách 139/18 Phố Khương Thượng, Phường Khương Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội